

Số: /QĐ-UBND

Cao Sơn, ngày tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế quản lý, hoạt động của**  
**Đài Truyền thanh xã Cao Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CAO SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động thông tin cơ sở;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BTTTT ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện nội dung “Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;*

*Căn cứ Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 12 năm 2019 của ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế quản lý, hoạt động của Đài Truyền thanh cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;*

*Theo đề nghị của Công chức Văn hóa - Thông tin xã.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, hoạt động của Đài Truyền thanh xã.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Công chức VH-XH, Người làm công tác Đài truyền thanh xã và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Phòng Văn hóa - Thông tin huyện;
- Trung tâm VH-TT&TT huyện;
- TT. Đảng ủy;
- TT. HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Dương Văn Hùng**

**QUY CHẾ**

**Quản lý, hoạt động của Đài Truyền thanh xã**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2020 của Ủy ban nhân dân xã Cao Sơn)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Quy chế này quy định về quản lý, hoạt động của Đài Truyền thanh xã; trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan và các quy định về quản lý Nhà nước đối với Đài Truyền thanh xã.

**Điều 2. Đối tượng điều chỉnh**

Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và thực hiện các hoạt động liên quan đến hoạt động của Đài Truyền thanh xã.

**Điều 3. Nguyên tắc hoạt động**

1. Đài Truyền thanh xã là đài truyền thanh do Ủy ban nhân dân xã trực tiếp quản lý nhân sự, khai thác máy móc thiết bị, duy trì hoạt động để thực hiện phát thanh phục vụ nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền của xã và truyền thanh (tiếp sóng) các chương trình phát thanh do Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh & Truyền hình tỉnh, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện sản xuất.

2. Đài Truyền thanh xã chịu sự quản lý nhà nước của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật của Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện.

3. Đài Truyền thanh xã ngoài việc thực hiện theo các quy định tại Quy chế này còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Đài Truyền thanh xã phải bảo đảm cung cấp thông tin thiết yếu kịp thời, chính xác đến với người dân.

5. Đài Truyền thanh xã do Ủy ban nhân dân xã quyết định thành lập bằng văn bản; đối với Đài Truyền thanh vô tuyến FM phải có giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do cơ quan có thẩm quyền cấp.

**Chương II**

**HOẠT ĐỘNG CỦA ĐÀI TRUYỀN THANH XÃ**

**Điều 4. Hoạt động phát thanh, truyền thanh của Đài Truyền thanh xã**

Hoạt động phát thanh, truyền thanh của Đài Truyền thanh xã được thực hiện theo Điều 6 và Điều 7 Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động thông tin cơ sở.

### **Điều 5. Quy định về nội dung và thời gian hoạt động của Đài Truyền thanh xã**

1. Nội dung chương trình phát thanh, truyền thanh do Ủy ban nhân dân xã quy định cụ thể để bảo đảm các yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin, tuyên truyền thiết yếu của địa phương; đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân trên địa bàn; phù hợp với quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan. Các chương trình phát thanh của Đài Truyền thanh xã tập trung thông tin về hoạt động chỉ đạo, điều hành của chính quyền xã; cung cấp thông tin, kiến thức thiết yếu đối với đời sống hằng ngày của người dân địa phương phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan trực tiếp đến người dân ở địa phương; tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương.

2. Thời điểm phát sóng, địa điểm đặt các cụm loa, thời lượng, âm lượng phát thanh, truyền thanh do Ủy ban nhân dân xã quy định phù hợp. Trong đó:

a) Thời lượng truyền thanh của Đài Truyền thanh xã phải đạt 240 phút/ngày. (Buổi sáng mùa hè từ 5giờ đến 7h00, chiều từ 17giờ đến 19giờ 00. Mùa đông sáng từ 5giờ 30 đến 7giờ 30, chiều 17giờ 00 đến 19giờ 00).

b) Mỗi tuần phải có ít nhất 01 chương trình phát thanh do Đài Truyền thanh xã sản xuất. Thời lượng tối thiểu 15 phút/chương trình.

c) Chương trình phát thanh do Đài Truyền thanh xã sản xuất không được phát trùng giờ tiếp sóng chương trình thời sự của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện. Các chương trình đột xuất, đặc biệt được phát thanh theo sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

### **Điều 6. Quy định về lưu trữ thông tin**

1. Nội dung các chương trình phát thanh đã phát sóng của Đài Truyền thanh xã phải được lưu trữ bằng văn bản có xác nhận của người kiểm duyệt ít nhất trong thời gian sáu (06) tháng; file âm thanh của chương trình phát thanh khuyến khích lưu trữ trên máy vi tính trong thời gian ba mươi (30) ngày kể từ ngày phát sóng.

2. Đài Truyền thanh cấp xã phải có sổ theo dõi các ấn phẩm do cơ quan, tổ chức chuyển đến. Các thông tin cần theo dõi gồm các nội dung: Ngày, tháng, năm nhận ấn phẩm; tên ấn phẩm; loại hình (đĩa, hay sách, báo); số lượng, tên cơ quan, tổ chức gửi và lịch phát sóng tuyên truyền các ấn phẩm nhận được, ghi chú...

3. Đài Truyền thanh xã phải có sổ theo dõi lịch phát sóng hàng ngày. Lập hồ sơ trang thiết bị được đầu tư, năm đầu tư, đơn vị đầu tư; quá trình sửa chữa, nâng cấp thiết bị của Đài (ngày, tháng, năm nâng cấp, tên thiết bị thay thế, giá tiền, đơn vị cung ứng...).

## **Điều 7. Quy định về chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn, quyền lợi của người quản lý, vận hành Đài Truyền thanh xã**

1. Chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn của cán bộ phụ trách Đài truyền thanh thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 4 Quyết định số 1597/2011/QĐ-UBND ngày 01/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn.

### **2. Quyền lợi**

- a) Được hưởng phụ cấp theo quy định;
- b) Được học tập nội quy, quy định, quy trình, quy phạm kỹ thuật;
- c) Được cử đi tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, vận hành Đài;
- d) Được trang bị các dụng cụ bảo hộ, thiết bị phục vụ hoạt động của Đài;
- đ) Được tham dự các cuộc họp của địa phương để viết bài, đưa tin;
- e) Được tổ chức đội ngũ cộng tác viên tham gia viết tin, bài góp phần làm phong phú nội dung chương trình phát thanh.

## **Điều 8. Những hành vi bị nghiêm cấm trong việc cung cấp thông tin trên Đài Truyền thanh xã**

1. Các hành vi quy định tại Điều 11 Luật Tiếp cận thông tin.
2. Các hành vi quy định tại Điều 9 Luật Báo chí khi phát thanh, truyền thanh các thông tin có tính chất báo chí.
3. Phát thông tin quảng cáo trên hệ thống truyền thanh phục vụ nhiệm vụ chính trị của xã.

## **Điều 9. Cơ sở vật chất**

1. Đài Truyền thanh xã có đầy đủ trang thiết bị phục vụ công tác tiếp sóng, phát thanh; có phòng máy riêng đảm bảo các điều kiện về ánh sáng, cách âm, cách nhiệt đủ tiêu chuẩn tối thiểu để thực hiện ghi âm, phát thanh, truyền thanh tại phòng máy.

2. Mỗi thôn có 01 cụm loa công cộng để thu, phát chương trình của Đài Truyền thanh xã.

3. Cơ cấu thành phần thiết bị và yêu cầu kỹ thuật thiết bị của Đài Truyền thanh xã thực hiện theo quy định, quy chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

## **Điều 10. Kinh phí hoạt động**

1. Kinh phí duy trì hoạt động thường xuyên:

- a) Thù lao nhân viên bảo vệ, vận hành;
- b) Nhuận bút, thù lao sản xuất chương trình phát thanh;
- c) Tiền điện, vật tư kỹ thuật;

- d) Duy tu, bảo dưỡng thiết bị;
- đ) Sửa chữa, khắc phục sự cố kỹ thuật;
- e) Bổ sung, nâng cấp các trang thiết bị của trạm.

2. Đài Truyền thanh xã xây dựng kế hoạch hoạt động, dự toán kinh phí hoạt động hàng năm trình UBND xã phê duyệt theo quy định.

3. Nguồn kinh phí:

- a) Kinh phí chi thường xuyên hàng năm của Ủy ban nhân dân xã;
- b) Các nguồn thu hợp pháp khác trên địa bàn;
- c) Khi có sửa chữa lớn hoặc đầu tư mới, nguồn kinh phí vượt khả năng cân đối của xã thì Ủy ban nhân dân xã lập dự toán kinh phí trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giải quyết.

### **CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 11. Khen thưởng, xử lý vi phạm**

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong xây dựng, quản lý, hoạt động của Đài Truyền thanh xã được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 12. Điều khoản thi hành**

Văn phòng - Thống kê, Công chức tài chính - kế toán, Công chức văn hóa - Thông tin, cán bộ phụ trách đài truyền thanh xã và các trường thôn chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Quá trình tổ chức thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc chưa phù hợp, các đơn vị tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân xã xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.

## PHỤ LỤC

<b>Mẫu số 01</b>	Đánh giá chất lượng cơ sở vật chất và kỹ thuật công nghệ của Đài Truyền thanh cấp xã
------------------	--

<b>Mẫu số 02</b>	Đánh giá chất lượng đội ngũ nhân lực của Đài Truyền thanh cấp xã
<b>Mẫu số 03</b>	Đánh giá hiệu quả hoạt động của Đài Truyền thanh cấp xã

**Mẫu số 01**  
**ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ**  
**CỦA ĐÀI TRUYỀN THANH CẤP XÃ**  
*(Thời điểm thống kê .....)*

S T T	Trang thiết bị													Công nghệ phát thanh			Tỷ lệ phù sồng phát thanh/ cư dân (%)		
	Máy phát sóng					Hệ thống cụm loa			Máy tính				Máy ghi âm			Có dây		Không dây	Cả có dây và không dây
	Số lượng	Tình trạng		Công suất	Tần số	Số lượng	Tình trạng		Số lượng	Tình trạng		Đã kết nối Internet	Số lượng	Tình trạng					
		Đang sử dụng	Không sử dụng được				Đang sử dụng	Không sử dụng được		Đang sử dụng	Không sử dụng được			Đang sử dụng	Không sử dụng được				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(22)	(23)	(24)	(25)



# ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ NHÂN LỰC ĐÀI TRUYỀN THANH CẤP XÃ

(Thời điểm thống kê .....)

S T T	Tổng số người làm việc (2=3+4+5)	Trong đó			Trình độ, chuyên ngành đào tạo												Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hằng năm	
		Kiêm nhiệm		Lao động hợp đồng	Đại học trở lên						Cao đẳng trở xuống							
		Công chức văn hóa-xã hội	Công chức khác		Báo chí, tuyên truyền		Điện tử-Viễn thông, CNTT,		Ngành khác		Báo chí, tuyên truyền		Điện tử-Viễn thông, CNTT,		Ngành khác		Kỹ năng sản xuất chương trình, biên tập tin, bài	Ứng dụng CNTT, sử dụng thiết bị kỹ thuật
					Số lượng	Tỷ lệ % (7=6/2)	Số lượng	Tỷ lệ % (9=8/2)	Số lượng	Tỷ lệ % (11=10/2)	Số lượng	Tỷ lệ % (13=12/2)	Số lượng	Tỷ lệ % (15=14/2)	Số lượng	Tỷ lệ % (17=16/2)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
	Vi dụ																	
	1		1			0		0		0	1	100		0		0	1	

**Mẫu số 03**

**ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH, TRUYỀN THANH  
CỦA ĐÀI TRUYỀN THANH CẤP XÃ**

*(Thời điểm thống kê .....)*

Số lượng chương trình sản xuất/năm	Thời lượng chương trình phát thanh tự sản xuất (trung bình phút/tháng)	Tỷ lệ nội dung chủ yếu của chương trình phát thanh tự sản xuất (%)				Tổng thời lượng phát sóng (trung bình phút/tháng) (7=8+10+12+14)	Trong đó									Tần suất phát sóng chương trình (số lần/tháng)
		Tuyên truyền chủ trương của Đảng, pháp luật của NN	Tuyên truyền sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền cơ sở	Phổ biến kiến thức khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội...	Tuyên truyền gương người tốt, việc tốt điển hình tiên tiến		Thời lượng chương trình tự sản xuất (cả phát mới và phát lại) (trung bình phút/tháng)	Tỷ lệ % (9=8/7)	Thời lượng tiếp sóng chương trình phát thanh của VOV (trung bình phút/tháng)	Tỷ lệ % (11=10/7)	Thời lượng tiếp sóng chương trình của Đài PTTH cấp tỉnh (trung bình phút/tháng)	Tỷ lệ % (13=12/7)	Thời lượng tiếp sóng chương trình của CSTTH cấp huyện (trung bình phút/tháng)	Tỷ lệ % (15=14/7)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	